

23/07/2026



BÁO CÁO TRIỂN VỌNG CỔ PHIẾU

TÓM TẮT

- ❖ Giá cổ phiếu FPT đang giảm về vùng hỗ trợ mạnh 60-65, cũng là vùng chiết khấu “đủ sâu” để cân nhắc đầu tư với khẩu vị dài hạn cho cổ phiếu này.
- ❖ Lưu ý do thị trường chung đang khá “ảm đạm”, cũng như kết quả kinh doanh của FPT có phần giảm tốc về mặt tăng trưởng khiến giá cổ phiếu có thể còn tích lũy trong khoảng vùng 60-65, hoặc chỉ tăng chậm.



Tên doanh nghiệp CTCP FPT
Mã cổ phần FPT (HOSE)

Mẫu hình kỹ thuật	Triển vọng	Vùng kháng cự	Vùng hỗ trợ
Giá giảm về vùng hỗ trợ mạnh	Kỳ vọng bật tăng từ vùng hỗ trợ mạnh	71 84 94	60-65

Đánh giá triển vọng

Giá đang ở vùng hỗ trợ mạnh 60-65

Tiếp theo báo cáo “FPT - Giá bật tăng từ vùng chiết khấu đủ sâu” gửi ngày 03/06/2026 với đánh giá rằng giá cổ phiếu FPT có thể chỉ tăng chậm cũng như trong trường hợp giá tiếp tục tích lũy, thì có thể trở lại vùng 60-70, và đây sẽ là cơ hội để đầu tư dài hạn mang tính tích sản. Hiện tại, giá cổ phiếu FPT đang lùi về vùng 60-65, là cơ hội tốt để theo dõi và đầu tư khi đây là vùng hỗ trợ mạnh của cổ phiếu này.

FPT là cổ phiếu có nền tảng kinh doanh tốt, khi duy trì tăng trưởng dương liên tục trong nhiều năm cũng như nhiều quý. Tuy nhiên, cần chú ý rằng, tốc độ tăng trưởng của FPT đang tạo xu thế chậm lại trong 3 năm gần nhất, khối ngoại bán ròng mạnh cổ phiếu này từ đầu năm 2026 đến nay, cũng như triển vọng ngành công nghệ 2-3 năm tới có thể cần thận trọng do lo ngại bong bóng AI.

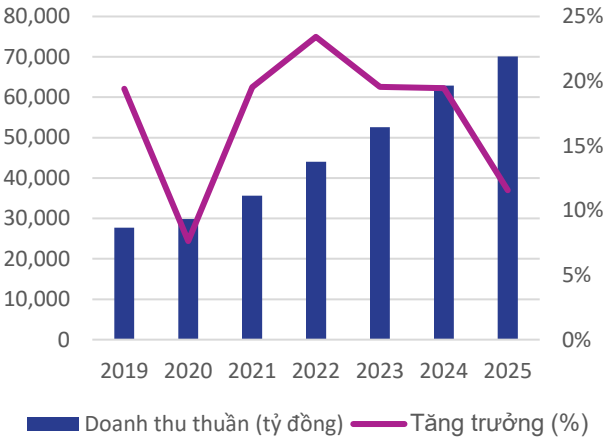
Dù vậy, khi giá cổ phiếu FPT đã lùi về vùng chiết khấu đủ sâu, cũng là vùng hỗ trợ mạnh 60-65, nhà đầu tư có thể cân nhắc giải ngân vị thế ở vùng giá này với khẩu vị nắm giữ dài hạn. Mục tiêu trước mắt là 71, 84 hoặc 94, dừng lỗ 55. Lưu ý, giá FPT có thể chỉ tăng chậm trong 1-2 năm tới.

Biểu đồ FPT:

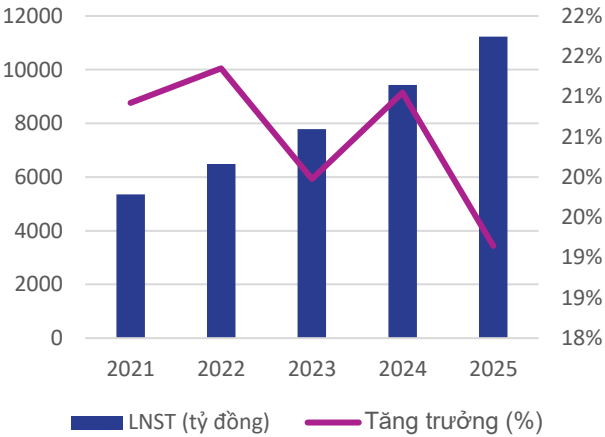


BÁO CÁO TRIỂN VỌNG

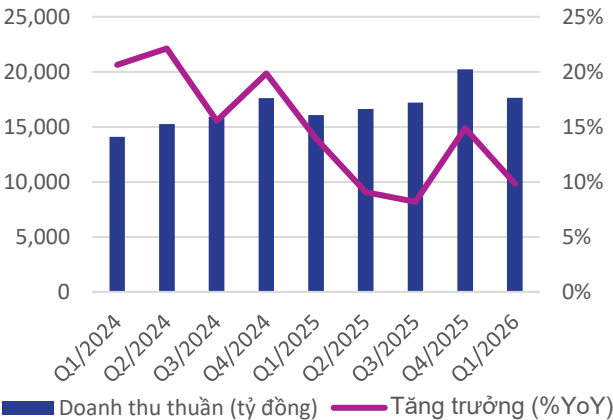
Doanh thu thuần hàng năm



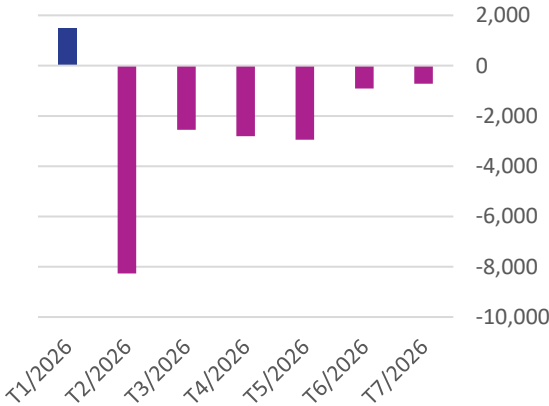
LNST các năm gần đây



Doanh thu thuần hàng quý (tính theo cách hạch toán cũ)



Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại lên cổ phiếu FPT (tỷ đồng)



Nguồn: FPT

BÁO CÁO TRIỂN VỌNG

DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	2024	2025	2025/Q4	2026/Q1
Số cổ phiếu lưu hành	Triệu CP	1097.03	1269.97	1471.07	1703.51	1703.51	1703.51
Tổng tài sản	Tỷ VND	51,650	60,283	72,000	88,142	88,142	68,586
Vốn chủ sở hữu	Tỷ VND	25,356	29,933	35,728	43,748	43,748	40,122
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	50.91 %	50.35 %	50.38 %	50.37 %	50.37 %	41.50 %
Vay nợ/Tổng tài sản	%	23.97 %	23.30 %	20.76 %	23.91 %	23.91 %	23.47 %
Doanh thu thuần	Tỷ VND	44,010	52,618	62,849	70,113	20,225	12,480
Lợi nhuận gộp	Tỷ VND	17,167	20,320	23,698	25,889	7,047	4,245
EBIT	Tỷ VND	6,795	8,452	10,508	10,989	3,121	2,032
EBITDA	Tỷ VND	8,628	10,738	13,044	13,903	3,935	2,442
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	7,662	9,203	11,070	13,044	3,503	2,804
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	6,491	7,788	9,427	11,232	2,995	2,477
Dòng tiền HĐ kinh doanh	Tỷ VND	5,054	9,517	11,704	10,136	4,108	-2,848
Dòng tiền HĐ đầu tư	Tỷ VND	5,757	-6,548	-8,462	-11,625	-3,293	-2,255
Dòng tiền HĐ tài chính	Tỷ VND	-9,773	-1,168	-2,198	2,801	-51	2,586
Tăng trưởng doanh thu (yoy)	%	23.42 %	19.56 %	19.44 %	11.56 %	14.87 %	-22.28 %
Tăng trưởng LNST (yoy)	%	21.35 %	19.98 %	21.05 %	19.15 %	19.76 %	-4.58 %
Tăng trưởng Tổng TS (yoy)	%	-3.81 %	16.71 %	19.44 %	22.42 %	22.42 %	-7.31 %
Tăng trưởng Vốn CSH (yoy)	%	18.39 %	18.05 %	19.36 %	22.45 %	22.45 %	5.87 %
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1.26	1.24	1.31	1.40	1.40	1.62
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.18	1.18	1.25	1.35	1.35	1.57
EBITDA/Lãi vay	Lần	13.36	12.90	23.65	17.17	19.01	13.61
CFO(trước thuế)/Lãi vay	Lần	10.70	13.60	24.51	16.28	22.19	-9.54
Biên lợi nhuận gộp	%	39.01 %	38.62 %	37.71 %	36.92 %	34.84 %	34.01 %
Biên lợi nhuận trước thuế	%	17.41 %	17.49 %	17.61 %	18.60 %	17.32 %	22.47 %
Biên lợi nhuận sau thuế	%	14.75 %	14.80 %	15.00 %	16.02 %	14.81 %	19.85 %
ROA (TTM)	%	10.08 %	11.55 %	11.88 %	11.71 %	11.71 %	12.08 %
ROE (TTM)	%	22.71 %	23.39 %	23.93 %	23.59 %	23.59 %	23.27 %
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.84	0.94	0.95	0.88	0.88	0.83
Vòng quay vốn chủ sở hữu	Lần	1.88	1.90	1.91	1.76	1.76	1.60
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14.34	16.80	21.08	20.73	20.73	22.09
Vòng quay khoản phải thu	Lần	6.20	6.17	6.41	6.03	6.03	5.84
Vòng quay khoản phải trả	Lần	8.84	11.11	11.14	10.71	10.71	14.57
EPS (TTM)	VND/cp	4,840	5,091	5,341	5,504	5,504	5,688

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.